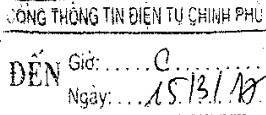


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **25/2017/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2017



NGHỊ ĐỊNH
Về báo cáo tài chính nhà nước

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 30 Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nội dung báo cáo tài chính nhà nước; việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính nhà nước và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, bao gồm:

- a) Bộ Tài chính;
- b) Kho bạc Nhà nước các cấp;
- c) Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước các cấp;
- d) Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp;
- đ) Cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;
- e) Cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;
- g) Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Báo cáo cung cấp thông tin tài chính: Là báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại khoản 1 các Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định này lập theo biểu mẫu do Bộ Tài chính hướng dẫn để cung cấp các thông tin tài chính của đơn vị mình và các đơn vị cấp dưới (nếu có), phục vụ lập báo cáo tài chính nhà nước.

2. Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện: Là báo cáo do Kho bạc Nhà nước cấp huyện lập, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là huyện) để phục vụ lập báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 4. Phạm vi lập báo cáo tài chính nhà nước

1. Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên phạm vi toàn quốc (gọi chung là Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc) và trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh).

2. Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi toàn quốc.

3. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh).

Chương II

NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước

1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh toàn bộ thông tin về tài sản; nợ phải trả; nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc phạm vi tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

2. Nội dung của báo cáo tình hình tài chính nhà nước:

a) Tài sản của Nhà nước:

Tài sản của Nhà nước bao gồm toàn bộ tài sản Nhà nước giao cho các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này nắm giữ, quản lý và sử dụng theo quy định: Tiền và các khoản tương đương tiền; các khoản phải thu; hàng tồn kho; đầu tư tài chính; cho vay; tài sản cố định hữu hình; xây dựng cơ bản dở dang; tài sản cố định vô hình; tài sản khác.

b) Nợ phải trả của Nhà nước:

Nợ phải trả của Nhà nước bao gồm toàn bộ các khoản nợ của Chính phủ, nợ của chính quyền địa phương và các khoản phải trả khác của các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này có nghĩa vụ phải trả.

c) Nguồn vốn của Nhà nước:

Nguồn vốn của Nhà nước bao gồm nguồn vốn hình thành tài sản; thặng dư (hoặc thâm hụt) lũy kế từ hoạt động tài chính nhà nước, nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Biểu mẫu báo cáo tình hình tài chính nhà nước toàn quốc và tình quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước

1. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc phạm vi tỉnh trong kỳ báo cáo.

2. Nội dung Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước:

a) Thu nhập của Nhà nước:

Thu nhập của Nhà nước bao gồm doanh thu thuộc ngân sách nhà nước (doanh thu thuế; doanh thu phí, lệ phí; doanh thu từ dầu thô và khí thiên nhiên; doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước; doanh thu từ viện trợ không hoàn lại và doanh thu khác) và doanh thu không thuộc ngân sách nhà nước phát sinh trong kỳ báo cáo của các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này.

b) Chi phí của Nhà nước:

Chi phí của Nhà nước bao gồm các khoản chi phí từ nguồn ngân sách nhà nước (chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người; chi phí hàng hóa, dịch vụ; chi phí hao mòn; chi phí hỗ trợ và bổ sung; chi phí lãi vay, phí và lệ phí liên quan đến các khoản vay và chi phí khác) và chi phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước phát sinh trong kỳ báo cáo của các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này.

c) Kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước:

Kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của Nhà nước trong kỳ báo cáo, phản ánh kết quả thặng dư (thu nhập lớn hơn chi phí) hoặc thâm hụt (thu nhập nhỏ hơn chi phí) của hoạt động tài chính nhà nước.

3. Biểu mẫu báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc phạm vi tỉnh.

2. Nội dung Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

a) Luồng tiền từ hoạt động chủ yếu của Nhà nước:

Luồng tiền từ hoạt động chủ yếu của Nhà nước là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động thường xuyên của Nhà nước, không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.

b) Luồng tiền từ hoạt động đầu tư của Nhà nước:

Luồng tiền từ hoạt động đầu tư của Nhà nước là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác, không thuộc các khoản tương đương tiền của Nhà nước.

c) Luồng tiền từ hoạt động tài chính của Nhà nước:

Luồng tiền từ hoạt động tài chính của Nhà nước là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động đi vay, trả nợ vay và các hoạt động tài chính khác của Nhà nước.

3. Biểu mẫu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước

1. Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước được lập để giải thích và bổ sung các thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ nhà nước trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh.

2. Nội dung Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước:

Nội dung Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước bao gồm các thông tin chung về tình hình kinh tế, xã hội; thông tin chung về cơ sở, chính sách kế toán áp dụng; thông tin bổ sung, phân tích về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ nhà nước; thuyết minh, giải trình về chênh lệch thông tin trọng yếu giữa Báo cáo tài chính nhà nước và Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Biểu mẫu thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III **LẬP, CÔNG KHAI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**

Điều 9. Quyền, trách nhiệm của đơn vị lập Báo cáo tài chính nhà nước

1. Kho bạc Nhà nước giúp Bộ Tài chính lập Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc để trình Chính phủ báo cáo Quốc hội.

2. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh theo chỉ đạo của Kho bạc Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi Kho bạc Nhà nước để lập Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc.

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức không chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ cung cấp thông tin cho Kho bạc Nhà nước các cấp quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Nghị định này, Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện công khai danh sách và tạm dừng chi ngân sách các cơ quan, đơn vị, tổ chức này, trừ các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội, học bổng và một số khoản chi cấp thiết theo quy định của Bộ Tài chính. Việc cấp phát, chi trả chi được thực hiện trở lại khi cơ quan, đơn vị, tổ chức đã chấp hành đầy đủ quy định.

Điều 10. Quy trình lập, gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện

1. Kho bạc Nhà nước cấp huyện lập và gửi báo cáo theo quy trình sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin trên các Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Phối hợp với các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này hoàn thiện Báo cáo cung cấp thông tin;

c) Tổng hợp thông tin báo cáo và xử lý các thông tin trùng lặp;

d) Lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện theo biểu mẫu quy định;

đ) Gửi Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh để lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính đồng cấp để biết.

2. Thời hạn lập, gửi Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện: Trước ngày 30 tháng 6 của năm tài chính tiếp theo.